

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng
Bà Danh Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông C, sinh ngày: 29/07/1987 (Vắng mặt)

Hộ chiếu số cũ: E cấp ngày: T tại: Trung Quốc (Đài Loan).

Hộ chiếu số mới: B cấp ngày: T tại: Trung Quốc (Đài Loan)

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)

Địa chỉ: Số M, Đường T, Khóm R, Phường G, T, Huyện C, Đài Loan.

Người đại diện hợp pháp nhận văn bản tố tụng cho nguyên đơn: Ông Lương L, sinh năm 1986, là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền lập ngày 21/11/2025.

Địa chỉ: số R, khu phố H, phường M, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Trần T**, sinh ngày 09/10/2005 (Vắng mặt)

Quốc tịch: Việt Nam

Căn cước công dân số: M ngày cấp: T.

Địa chỉ: Ấp V, xã VL, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ trong giấy đăng ký kết hôn: Ấp V, xã VT, huyện T, tỉnh Sóc Trăng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2025, đơn xin vắng mặt đề ngày 25/9/2025 nguyên đơn ông C trình bày:

Ông C và bà Trần T đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2024/CNKH ngày 14/11/2024. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông C xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, trong khoảng thời gian sống chung với nhau ông C nhận thấy ông và bà Trần T không hiểu nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt trong cách sống, quan điểm và phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống và bất đồng ngôn ngữ nên hai bên không thể giải quyết được dẫn đến việc thường xuyên cãi vã, gây lộn trong gia đình. Ông C và bà T kết hôn được một năm, thế nhưng trong thời gian chung sống, ông và bà T thật sự bất đồng về ngôn ngữ nên không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông C xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Trần T không còn.

Nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay do điều kiện địa lý xa xôi và công việc bận rộn nên ông không thể tham gia vụ kiện được. Vì vậy, ông kính đề nghị Tòa án cho ông được phép vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án này, vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án, vắng mặt khi xét xử.

2/ Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt lập ngày 25/12/2025 và biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2025 bị đơn bà Trần T trình bày: Bà yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, chỉ công bố chứng cứ và đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử. Giữa bà và ông C không hòa hợp với nhau về cách sống, trong cuộc sống hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng về ngôn ngữ nên chung sống với nhau không có hạnh phúc, bà thống nhất ly hôn với ông C. Giữa bà và ông C đúng là chưa có con chung nên bà không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra bà Tiên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt khi xét xử vì bà bận công việc không thể đến Tòa án mỗi khi Tòa án triệu tập.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự đều vắng

mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông C ly hôn với bà Trần T; về con chung: theo ông C và bà Trần T đều trình bày ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; về tài sản chung, nợ chung: ông C và bà Trần T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông C yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Trần T cư trú tại ấp V, xã VL, thành phố Cần Thơ; không có con chung; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết; Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

[2] Nguyên đơn ông C và bị đơn bà Trần T đều có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Ông C và bà Trần T là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn 23/2024/CNKH ngày 14/11/2024, nên quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà Trần T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông C và bà Trần T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn đến nay, trong thời gian chung sống, ông và bà T thật sự bất đồng về ngôn ngữ nên không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay ông đang sinh sống tại Đài Loan, còn bà Trần T đang sinh sống tại Việt Nam. Bà Trần T thì cho rằng giữa bà và ông C không hòa hợp với nhau về cách sống, trong cuộc sống hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng về ngôn ngữ nên chung sống với nhau không có hạnh phúc, bà thống nhất ly hôn với ông C. Xét thấy, việc kết hôn giữa ông C và bà Trần T không có sự tìm hiểu

kỹ trước khi hai người tiến đến kết hôn, cho nên sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì giữa hai người phát hiện bất đồng về ngôn ngữ, sống chung không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, ông bà cũng đã không tìm được biện pháp khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng và quá trình tố tụng ông C yêu cầu ly hôn với bà Trần T thì bà Trần T cũng thống nhất ly hôn. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng ông C và bà Trần T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông C xin được ly hôn với bà Trần T là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho ông C được ly hôn với bà Trần T.

[4] Về con chung: Ông C và bà Trần T đều trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Ông C và bà Trần T đều trình bày là không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp: Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006634 ngày 21/10/2025 của cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Trần T không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C được ly hôn với bà Trần T.
- Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp: Ông C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0006634 ngày 21/10/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ; Như vậy, Ông C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Trần T không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã VL, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng